

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----***----

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Định nghĩa

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
 - “Công ty” có nghĩa là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín;
 - “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài;
 - “Vốn điều lệ” có nghĩa là số vốn do cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào điều lệ Công ty;
 - “Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006;
 - “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
 - “Điều khoản” có nghĩa là một Điều khoản của Điều lệ này;
 - “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;

- “Pháp luật” là tất cả những văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 - Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được ban hành ngày 12 tháng 11 năm 1996;
 - “Người quản lý Công ty” có nghĩa là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định của Công ty;
 - “Những người liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;
 - “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành;
 - “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - “UBCKNN” được hiểu là ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.
 3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2. Hình thức, tên gọi và trụ sở Công ty, người đại diện theo pháp luật

1. Công ty thuộc hình thức Công ty cổ phần được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Tên Công ty:
 - Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN
 - Tên tiếng Anh : SACOMBANK SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
 - Tên viết tắt : SACOMBANK-SBS
3. Trụ sở Công ty: 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, TP.HCM.
 Điện thoại: (84.8) 62686868 Fax: (84.8) 62555957
 Địa chỉ trang web: www.sbsc.com.vn
4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị.
5. Công ty có thể thành lập, đóng cửa chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch tại địa bàn hoạt động hoặc kinh doanh sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Công ty

Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 72 của Điều lệ này hoặc gia hạn hoạt động, thời hạn của Công ty là 99 (*chín mươi chín*) năm kể từ ngày thành lập.

CHƯƠNG II. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÔNG TY

Điều 4. Các lĩnh vực kinh doanh

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn tài chính;
- Lưu ký chứng khoán.

2. Công ty có thể tiến hành thay đổi hoặc bổ sung lĩnh vực kinh doanh sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động

Công ty cam kết cung cấp những sản phẩm, dịch vụ tài chính có chất lượng tốt nhất nhằm mục tiêu lợi nhuận tối đa cho chủ đầu tư, cổ đông Công ty; trở thành một tổ chức hoạt động theo mô hình ngân hàng đầu tư hàng đầu tại khu vực Đông Dương; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp cho người lao động; hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ khác cho Nhà nước; phấn đấu vì sự phát triển chung của cộng đồng.

Điều 6. Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán

- Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các pháp luật khác;
- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp;
- Liêm trực và thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng;

- Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
- Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết khác để thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán và ban hành bằng văn bản các quy trình thực hiện nghiệp vụ kinh doanh phù hợp;
- Chỉ được đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng;
- Phải cung cấp cho khách hàng thông tin cần thiết cho việc ra quyết định đầu tư của khách hàng;
- Phải thận trọng không được tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và/hoặc áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;
- Ban hành và áp dụng các quy trình nghiệp vụ trong Công ty phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 7. Phạm vi hoạt động kinh doanh

Công ty chỉ được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và dịch vụ tài chính khác trong nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán và được Luật Chứng khoán cho phép. Trường hợp công ty cung cấp dịch vụ, sản phẩm mới phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Điều 8. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty

1. Quyền của Công ty:

- a. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng về giao dịch chứng khoán, đăng ký và lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính;
- b. Thực hiện thu phí theo các mức phí, lệ phí do Bộ Tài chính quy định;
- c. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Luật Lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định của pháp luật;
- d. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Công ty:

- a. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;

- b. Quản lý tách biệt chứng khoán của từng nhà đầu tư, tách biệt tiền và chứng khoán của nhà đầu tư với tiền và chứng khoán của Công ty chứng khoán;
- c. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng;
- d. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;
- e. Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro của khách hàng; bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với khách hàng đó;
- f. Tuân thủ các quy định bảo đảm vốn khả dụng theo quy định của Bộ Tài chính;
- g. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật và sơ suất của nhân viên trong Công ty;
- h. Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;
- i. Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;
- j. Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
- k. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;
- l. Thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 101 (trong trường hợp Công ty trở thành Công ty đại chúng) và Điều 104 của Luật Chứng khoán và chế độ báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính;
- m. Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị Công ty theo Điều 28 Luật Chứng khoán (trong trường hợp Công ty trở thành Công ty đại chúng);
- n. Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại Quy chế về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

Điều 9. Các quy định hạn chế

- 1. Quy định hạn chế đối với Công ty:
 - a. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;

- b. Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
 - c. Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
 - d. Không được cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán, trừ trường hợp Bộ Tài chính có quy định khác.
2. Quy định hạn chế đối với Tổng Giám đốc Công ty và người hành nghề chứng khoán của Công ty:
- a. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty chứng khoán nơi mình đang làm việc;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ khác;
 - c. Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;
 - d. Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình tại chính Công ty;
 - e. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được khách hàng ủy thác.

Điều 10. Các quy định về kiểm soát nội bộ

- 1. Quy trình kiểm soát nội bộ được lập chính thức bằng văn bản và được công bố trong nội bộ Công ty.
- 2. Mọi nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ quy định về kiểm soát nội bộ.
- 3. Định kỳ Công ty tiến hành kiểm tra và hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ.
- 4. Bộ phận kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ được tuân thủ, định kỳ báo cáo kết quả lên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc Công ty để hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ.

Điều 11. Các quy định về bảo mật thông tin

- 1. Công ty phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong toả, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.
- 2. Quy định tại Khoản 1 Điều này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;

- b. Khách hàng của Công ty muốn biết thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của chính họ;
- c. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 12. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp

1. Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán ban hành dưới hình thức văn bản phải được công bố rộng rãi trong Công ty. Công ty phải xây dựng nội quy của Công ty, chi tiết hoá nội dung của bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp này.
2. Mọi nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ nghiêm ngặt bộ quy tắc này.
3. Bộ phận kiểm soát nội bộ có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của lãnh đạo và nhân viên Công ty.

CHƯƠNG III. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY

Điều 13. Vốn điều lệ

1. Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là 1.128.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một ngàn, một trăm hai mươi tám tỷ, năm trăm triệu đồng*).
2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 112.850.000 (*Bằng chữ: một trăm mười hai triệu, tám trăm năm mươi ngàn*) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 14. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ

1. Việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty phải được thực hiện phù hợp với quy định pháp luật.
2. Công ty có thể tăng vốn Điều lệ thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi:
 - a. Công ty có nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh; hoặc
 - b. Công ty bị giảm vốn hoạt động kinh doanh chứng khoán hiện thời và phương án huy động vốn từ các nguồn bên ngoài không thực hiện được.

3. Vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh tăng trong các trường hợp sau:
 - a. Phát hành cổ phiếu mới để huy động thêm vốn theo quy định của pháp luật;
 - b. Chuyển đổi trái phiếu đã phát hành thành cổ phần;
 - c. Thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu;
 - d. Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng vốn điều lệ.
4. Việc giảm vốn điều lệ Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn đảm bảo điều kiện vốn pháp định theo quy định hiện hành.

Điều 15. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu như sau:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là pháp nhân;
 - c. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần;
 - d. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - e. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.
3. Hình thức của sổ đăng ký cổ đông do Công ty quyết định có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
4. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính (hoặc có thể được lưu giữ tại Trung tâm Lưu ký).

Điều 16. Cổ phiếu, cổ phần, phát hành cổ phiếu

1. Tất cả các cổ phần được phát hành của Công ty đều là cổ phần phổ thông. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty có thể có cổ phần ưu đãi.
2. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần tối thiểu 20 (*hai mươi*) ngày làm việc, trong thông báo

phải nêu rõ số cổ phần được chào bán, để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

3. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, quy định của Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
4. Công ty được phát hành cổ phiếu và việc phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán được thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng của Luật Chứng khoán.
5. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 17. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều 17 của Điều lệ này.
2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
3. Trong thời hạn 02 (hai) tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí nào khác.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.
7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 18. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 19. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Chào bán cổ phần:

- a. Công ty được chào bán cổ phiếu ra công chúng khi đáp ứng các điều kiện chào bán cổ phiếu ra công chúng theo quy định tại Luật Chứng khoán;
- b. Công ty phải đăng ký với ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- c. Phương thức, thủ tục chào bán cổ phiếu ra công chúng được thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng của Luật Chứng khoán.

2. Chuyển nhượng cổ phần:

Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp sau:

- a. Cổ phần ưu đãi biểu quyết;
- b. Các trường hợp khác phù hợp với quy định của Công ty và pháp luật.

Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký.

3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

Điều 20. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 21. Mua lại cổ phần

1. Mua lại theo yêu cầu của cổ đông:

Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình nếu cổ đông đó bỏ phiếu không tán thành đối với quyết định về việc tổ chức lại Công ty của Đại hội đồng cổ đông hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Mua lại theo quyết định của Công ty:

- a. Công ty đại chúng không có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán có quyền mua lại cổ phiếu của chính mình không quá 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi đã bán theo quy định sau đây:
 - Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng;
 - Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- b. Công ty đại chúng có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán khi mua lại cổ phiếu của chính mình phải công khai thông tin về việc mua lại 07 (bảy) ngày trước khi thực hiện mua lại.

Điều 22. Điều kiện thanh toán cổ phần được mua lại

Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 21 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

Điều 23. Phát hành trái phiếu

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị của Công ty có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, và thời điểm phát hành. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.
3. Trường hợp không được quyền phát hành trái phiếu:
 - a. Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 3 (ba) năm liên tiếp trước đó;

- b. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của 3 (ba) năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành.

CHƯƠNG IV : CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 24. Cơ cấu tổ chức quản lý

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Tổng Giám đốc
- Ban Kiểm soát

MỤC A

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Quyền của cổ đông:
 - a. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - Tham dự và biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông trừ các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 19 của Điều lệ này;
 - Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - Xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;